

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI VÀ  
KHOÁNG SẢN HOÀNG PHÚC**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**MỤC LỤC**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	03 - 04
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	05 - 06
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	07
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	08
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	09 - 26

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI VÀ KHOÁNG SẢN HOÀNG PHÚC

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại và Khoáng sản Hoàng Phúc ("Công ty") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

**Hội đồng quản trị**

Bà Võ Thị Hà	Chủ tịch
Bà Dương Thị Mùi	Ủy viên
Ông Đặng Công Đồng	Ủy viên
Ông Wang De Rong	Ủy viên
Ông Lê Hồng Hiệp	Ủy viên

**Ban Giám đốc**

Ông Nguyễn Trường Sơn	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 01/03/2022)
Ông Dương Nguyễn Bộ	Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 01/03/2022)
Ông Wang De Rong	Phó Tổng giám đốc

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31/12/2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Tuân thủ chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Thiết lập và thực hiện kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính được lập và trình bày tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



**Nguyễn Trường Sơn**  
Tổng Giám đốc

Lạng Sơn, ngày 04 tháng 04 năm 2022

Số: 103 /2022/BCKT-AVI-TC1

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi:** Các cổ đông  
Hội đồng quản trị và Ban giám đốc  
Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại và Khoáng sản Hoàng Phúc

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại và Khoáng sản Hoàng Phúc (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 04/04/2022, từ trang 05 đến trang 26 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

**Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản tại ngày 31/12/2021 của Công ty là chi phí hạng mục Thiết kế bản vẽ thi công phần xây dựng, hạ tầng kỹ thuật và hạng mục Thi công thử nghiệm sản phẩm Trạm trộn bê tông Asphalt theo Hợp đồng thầu số 03/2015/HĐTV/KSHP-PVPE ngày 5/8/2015 giữa Công ty cổ phần Xây dựng Thương mại Khoáng sản Hoàng Phúc và Công ty Cổ phần Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam (PVEP) với giá trị quyết toán là 6.220.000.000 đồng. Do dự án này đã dừng triển khai từ năm 2016 cho đến nay, chúng tôi không thể đánh giá được khả năng thu được lợi ích kinh tế từ chi phí đầu tư xây dựng nói trên và mức dự phòng cần phải trích lập từ thiệt hại (nếu có) của chi phí đã đầu tư phản ánh trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

Doanh thu trong năm 2021 của Công ty phát sinh từ việc cho Công ty TNHH Logistic Quốc tế Bắc Giang (Bên liên quan) thuê các phương tiện vận tải với số tiền 4.260.000.000 đồng. Chúng tôi đã thực hiện các thủ tục kiểm toán cần thiết, tuy nhiên các bằng chứng kiểm toán đã thu thập được không đủ để chúng tôi đánh giá được tính hợp lý của giá trị giao dịch ghi nhận doanh thu nêu trên.

15/1  
CỔ  
H H  
TIẾ  
AT  
/ 11



## Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại và Khoáng sản Hoàng Phúc tại ngày 31/12/2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### Các vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã trình bày tại Thuyết minh 14 trong bản thuyết minh Báo cáo tài chính: Giá trị còn lại của Tài sản cố định của Công ty đang phản ánh trên báo cáo tài chính tại ngày 31/12/2021 là 15.830.513.939 đồng (trong đó giá trị còn lại của nhà cửa vật kiến trúc và máy móc thiết bị là 15.792.513.939 đồng). Hiện tại toàn bộ máy móc thiết bị và nhà xưởng đã dừng sản xuất trong thời gian dài. Theo kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022, Công ty sẽ thực hiện bảo dưỡng các máy móc thiết bị và làm thủ tục xin cấp các giấy phép để tiếp tục thực hiện khai thác và kinh doanh mỏ đá. Ban giám đốc Công ty cam kết sẽ thực hiện các biện pháp cần thiết để khôi phục lại hoạt động khai thác và kinh doanh mỏ đá, đảm bảo các tài sản cố định có thể đưa vào sử dụng bình thường và mang lại lợi ích kinh tế cho Công ty.

Như đã trình bày tại Thuyết minh 16 trong bản thuyết minh Báo cáo tài chính: Ngày 08/09/2021, Công ty nhận được Quyết định số 576/QĐ-CCT của Chi cục thuế thành phố - Cục thuế tỉnh Lạng Sơn về việc cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế bằng biện pháp ngừng sử dụng hóa đơn do Công ty nợ thuế quá 90 ngày kể từ ngày hết thời hạn nộp theo quy định. Số tiền bị cưỡng chế là 408.263.206 đồng. Thời gian có hiệu lực thi hành cưỡng chế trong 1 năm, kể từ ngày 08/09/2021. Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính kèm theo, Công ty đang trong quá trình làm việc với cơ quan thuế để xác định đầy đủ các nghĩa vụ thuế còn phải nộp ngân sách nhà nước.

Như trình bày ở Thuyết minh 4.2 về khả năng hoạt động liên tục: Tại ngày lập Báo cáo tài chính kèm theo, tình hình tài chính của Công ty đang gặp một số khó khăn, cụ thể: Nợ ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn là 2,51 tỷ đồng, hoạt động kinh doanh chính là khai thác mỏ của Công ty đã tạm dừng, mặc dù kết quả kinh doanh năm 2021 của Công ty có lãi nhưng số lỗ lũy kế tại ngày 31/12/2021 là 14,3 tỷ đồng, chiếm 37,6% Vốn Điều lệ. Dòng tiền tạo ra từ hoạt động kinh doanh bị âm dẫn tới hoạt động thanh toán của Công ty phụ thuộc hoàn toàn vào các khoản hỗ trợ tài chính từ cổ đông và các bên liên quan. Các giải pháp của Hội đồng quản trị và Ban giám đốc Công ty để khắc phục khó khăn nhằm duy trì hoạt động kinh doanh được trình bày tại Thuyết minh 4.2. Những điều kiện này, cùng những vấn đề khác được nêu trong Thuyết minh 4.2 cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không ảnh hưởng bởi các vấn đề nhấn mạnh nêu trên.



**Nguyễn Thương**  
**Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
0308-2018-055-1

**Thay mặt và đại diện cho**  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN VIỆT**

Hà Nội, ngày 04 tháng 04 năm 2022

**Đoàn Thu Hằng**  
**Kiểm toán viên**

Số Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
1396-2018-055-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

**MẪU SỐ B01 - DN**  
 Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết	31/12/2021	01/01/2021
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>8.600.932.524</b>	<b>5.020.749.056</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>10.408.615</b>	<b>77.211.482</b>
1. Tiền	111	5	10.408.615	77.211.482
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>5.550.044.750</b>	<b>1.810.777.946</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	4.923.180.921	1.119.180.921
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	214.904.279	214.904.279
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8	1.708.000.000	1.750.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136		4.044.750	26.777.946
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	13	(1.300.085.200)	(1.300.085.200)
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>410.317</b>	<b>410.317</b>
1. Hàng tồn kho	141		410.317	410.317
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>3.040.068.842</b>	<b>3.132.349.311</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	3.278.864
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.040.068.842	3.126.678.540
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	16	-	2.391.907
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>26.208.120.385</b>	<b>28.129.274.556</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>19.297.374.930</b>	<b>21.909.274.556</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	14	15.830.513.939	18.291.108.757
- Nguyên giá	222		29.673.994.915	32.084.356.733
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(13.843.480.976)	(13.793.247.976)
2. Tài sản cố định vô hình	227	9	3.466.860.991	3.618.165.799
- Nguyên giá	228		4.236.534.500	4.236.534.500
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(769.673.509)	(618.368.701)
<b>II. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>6.910.745.455</b>	<b>6.220.000.000</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	10	6.910.745.455	6.220.000.000
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>34.809.052.909</b>	<b>33.150.023.612</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

**MẪU SỐ B01 - DN**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết	31/12/2021		01/01/2021	
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>11.113.650.969</b>		<b>9.704.486.593</b>	
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>11.113.650.969</b>		<b>9.704.486.593</b>	
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	513.638.952		246.114	
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	11	837.386.876		837.386.876	
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	1.070.496.197		882.415.893	
4. Phải trả người lao động	314		946.637.626		529.908.651	
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		190.473.637		30.000.000	
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	12	3.036.394.229		2.905.905.607	
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	17	4.518.623.452		4.518.623.452	
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>23.695.401.940</b>		<b>23.445.537.019</b>	
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>18</b>	<b>23.695.401.940</b>		<b>23.445.537.019</b>	
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		38.000.000.000		38.000.000.000	
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		38.000.000.000		38.000.000.000	
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(14.304.598.060)		(14.554.462.981)	
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(14.554.462.981)		(13.143.689.005)	
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		249.864.921		(1.410.773.976)	
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>34.809.052.909</b>		<b>33.150.023.612</b>	

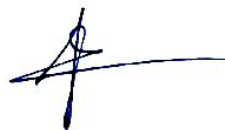
Lạng Sơn, ngày 04 tháng 04 năm 2022

Người lập



Đỗ Mạnh Hùng

Kế toán trưởng



Đỗ Mạnh Hùng



Nguyễn Trường Sơn

H. V. L. LANG SON



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**MẪU SỐ B02 - DN**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm	
			2021	2020
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	20	4.260.000.000	240.000.000
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		4.260.000.000	240.000.000
4. Giá vốn hàng bán	11	21	587.775.385	219.934.878
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		3.672.224.615	20.065.122
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		43.014	111.722
7. Chi phí tài chính	22		-	-
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	22	1.225.475.649	(1.013.146.327)
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2.446.791.980	1.033.323.171
11. Thu nhập khác	31	23	277.000.000	-
12. Chi phí khác	32	24	2.473.927.059	2.444.097.147
13. Lợi nhuận khác	40		(2.196.927.059)	(2.444.097.147)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		249.864.921	(1.410.773.976)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	25	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		249.864.921	(1.410.773.976)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	27	66	(371)

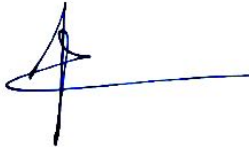
Lạng Sơn, ngày 04 tháng 04 năm 2022

Người lập



Đỗ Mạnh Hùng

Kế toán trưởng



Đỗ Mạnh Hùng



Nguyễn Trường Sơn

11/11/2022



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**MẪU SỐ B03 - DN**  
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2021	Năm 2020
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	249.864.921	(1.410.773.976)
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	2.611.899.626	2.946.952.348
- Các khoản dự phòng	03	-	(2.799.815.904)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(277.043.014)	(111.722)
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	(170.246)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	2.584.721.533	(1.263.919.500)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(3.610.265.199)	1.196.926.665
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	718.418.921	30.293.039
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	3.278.864	497.727
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(303.845.881)	(36.202.069)
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	237.000.000	-
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	43.014	111.722
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	237.043.014	111.722
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	-	600.000.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	-	(500.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	100.000.000
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(66.802.867)	63.909.653
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	77.211.482	13.301.829
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	10.408.615	77.211.482

Lạng Sơn, ngày 04 tháng 04 năm 2022

Người lập

Đỗ Mạnh Hùng

Kế toán trưởng

Đỗ Mạnh Hùng



Nguyễn Trường Sơn

## **1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG**

### **Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại và Khoáng sản Hoàng Phúc hoạt động theo các Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 18/02/2008; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần thay đổi lần thứ 09 số 4900270327 ngày 29/03/2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lạng Sơn cấp.

Cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là HPM.

Trụ sở chính của Công ty tại Khu 6 Thị trấn Na Sầm, Huyện Văn Lãng, Tỉnh Lạng Sơn

### **Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

- Khai thác quặng sắt;
- Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Khai thác và thu gom than non;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Đại lý du lịch;
- Điều hành tua du lịch;
- Khai thác và thu gom than cứng;
- Kho bãi và lưu trữ hàng hóa;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình công ích;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Đại lý, môi giới, đấu giá;
- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tour du lịch;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng: Bán buôn nhựa đường trong xây dựng;
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng các cửa hàng chuyên doanh: Bán lẻ nhựa đường trong xây dựng.

### **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

## **2. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND)

## **3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), được lập dựa trên các nguyên tắc kế toán phù hợp với quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính, chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



#### **4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

##### **4.1 Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ một số thông tin liên quan đến lưu chuyển tiền tệ), theo nguyên tắc giá gốc, dựa trên giả thiết hoạt động liên tục.

##### **4.2 Giả thiết về khả năng hoạt động liên tục**

Tại ngày lập báo cáo tài chính này, tình hình tài chính của Công ty đang gặp một số khó khăn: Nợ ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn là 2,51 tỷ đồng, hoạt động kinh doanh chính là khai thác mỏ của Công ty đã tạm dừng, mặc dù kết quả kinh doanh năm 2021 của Công ty có lãi nhưng số lỗ lũy kế tại ngày 31/12/2021 là 14,3 tỷ đồng, chiếm 37,64% Vốn Điều lệ. Dòng tiền tạo ra từ hoạt động kinh doanh bị âm dẫn tới hoạt động thanh toán của Công ty phụ thuộc hoàn toàn vào các khoản hỗ trợ tài chính từ cổ đông và các bên liên quan. Trong năm 2021, Công ty bắt đầu triển khai dự án "Trạm trộn bê tông Logistic Bắc Giang" theo hợp đồng hợp tác đầu tư dự án đã ký trong năm 2020 với Công ty TNHH Logistic Quốc tế Bắc Giang. Ngoài ra, Ban Giám đốc đã nhận được cam kết của các cổ đông và các bên liên quan trong việc sẽ gia hạn các khoản nợ, vay đến hạn trả, đồng thời tiếp tục hỗ trợ tài chính khi cần thiết nhằm duy trì hoạt động liên tục của Công ty trong thời gian tới. Do đó Ban Giám đốc Công ty tin tưởng báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 được lập dựa trên giả thiết hoạt động liên tục là phù hợp.

##### **4.3 Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

##### **4.4 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán, bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo, được ghi nhận phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

##### **4.5 Công cụ tài chính**

*Ghi nhận ban đầu*

###### Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty xác định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng và phải thu khác.

###### Nợ phải trả tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định phân loại các nợ phải trả tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, nợ phải trả tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác, vay và nợ thuê tài chính.

*Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính được phản ánh theo giá trị hợp lý. Trường hợp chưa có quy định về việc xác định lại giá trị hợp lý của các công cụ tài chính thì trình bày theo giá trị ghi sổ.

*Bù trừ các công cụ tài chính*

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán, nếu và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

**4.6 Các khoản phải thu và dự phòng phải thu khó đòi**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng, xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác;
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm: Phải thu về lãi cho vay, lãi tiền gửi; các khoản đã chi hộ; phải thu về tiền phạt, bồi thường; các khoản tạm ứng; cầm cố, ký cược, ký quỹ, cho mượn tài sản.

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản phải thu để phân loại là phải thu dài hạn hoặc ngắn hạn.

Các khoản phải thu được ghi nhận không vượt quá giá trị có thể thu hồi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị giải thể, phá sản hay các khó khăn tương tự phù hợp với các quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

**4.7 Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi tăng nguyên giá của tài sản nếu chúng thực sự cải thiện trạng thái hiện tại so với trạng thái tiêu chuẩn ban đầu của tài sản đó, như:

- Thay đổi bộ phận của tài sản cố định hữu hình làm tăng thời gian sử dụng hữu ích, hoặc làm tăng công suất sử dụng của chúng; hoặc
- Cải tiến bộ phận của tài sản cố định hữu hình làm tăng đáng kể chất lượng sản phẩm sản xuất ra; hoặc
- Áp dụng quy trình công nghệ sản xuất mới làm giảm chi phí hoạt động của tài sản so với trước.

Các chi phí phát sinh để sửa chữa, bảo dưỡng nhằm mục đích khôi phục hoặc duy trì khả năng đem lại lợi ích kinh tế của tài sản theo trạng thái hoạt động tiêu chuẩn ban đầu, không thỏa mãn một trong các điều kiện trên, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản phù hợp với khung khấu hao quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Thời gian tính khấu hao cụ thể của các loại tài sản cố định như sau:

	<b>Năm</b>
Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 28
Máy móc thiết bị	03 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06





**4.12 Vay và nợ thuê tài chính**

Vay và nợ thuê tài chính bao gồm: các khoản đi vay, nợ thuê tài chính và vay vốn theo phương thức phát hành trái phiếu thường (không có quyền chuyển đổi).

Các khoản đi vay và nợ thuê tài chính được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng khế ước vay nợ và từng loại tài sản vay nợ; theo kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính và theo nguyên tệ (nếu có). Các khoản có thời gian trả nợ còn lại trên 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

**4.13 Ghi nhận doanh thu**

**Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả điều kiện sau:**

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, Công ty chỉ ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:**

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, Công ty chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu của dịch vụ trong từng kỳ thường được thực hiện theo phương pháp tỷ lệ hoàn thành. Theo phương pháp này, doanh thu được ghi nhận trong kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ phần công việc đã hoàn thành. Phần công việc đã hoàn thành không phụ thuộc vào các khoản thanh toán định kỳ hay các khoản ứng trước của khách hàng.

**Doanh thu hoạt động tài chính:** Bao gồm lãi tiền gửi, cổ tức, lợi nhuận được chia; và lãi kinh doanh chứng khoán... Cụ thể như sau:

- Tiền lãi được xác định tương đối chắc chắn trên cơ sở số dư tiền gửi, cho vay và lãi suất thực tế từng kỳ.
- Chênh lệch tỷ giá phản ánh các khoản lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái thực tế phát sinh trong kỳ của các nghiệp vụ phát sinh có gốc ngoại tệ và lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm báo cáo.

**Thu nhập khác:** Phản ánh các khoản thu nhập phát sinh từ các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động kinh doanh thông thường của Công ty, ngoài các khoản doanh thu nêu trên.

**4.14 Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

11  
12  
13  
14  
15  
16  
17  
18  
19  
20  
21  
22  
23  
24  
25  
26  
27  
28  
29  
30  
31  
32  
33  
34  
35  
36  
37  
38  
39  
40  
41  
42  
43  
44  
45  
46  
47  
48  
49  
50  
51  
52  
53  
54  
55  
56  
57  
58  
59  
60  
61  
62  
63  
64  
65  
66  
67  
68  
69  
70  
71  
72  
73  
74  
75  
76  
77  
78  
79  
80  
81  
82  
83  
84  
85  
86  
87  
88  
89  
90  
91  
92  
93  
94  
95  
96  
97  
98  
99  
100



*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Chi phí thuế thu nhập hiện hành phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp phát sinh trong năm và số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước. Thu nhập thuế thu nhập hiện hành phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước.

Chi phí thuế thu nhập hoãn lại phản ánh số chênh lệch giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoãn nhập trong năm lớn hơn tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm lớn hơn thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoãn nhập trong năm. Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại phản ánh số chênh lệch giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm lớn hơn tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoãn nhập trong năm hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoãn nhập trong năm lớn hơn thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính, khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời, đối với tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thu nhập tính thuế có thể khác với tổng lợi nhuận kế toán trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế tài nguyên phải nộp trong năm liên quan đến hoạt động khai thác đá xây dựng được tính trên cơ sở sản lượng đá khai thác, giá tính thuế đơn vị và thuế suất thuế tài nguyên 10%.

Phí bảo vệ môi trường với hoạt động khai thác khoáng sản phải nộp trong năm được tính dựa trên số lượng đá khai thác trong năm, mức phí tính trên một m<sup>3</sup> đá khai thác và hệ số tính phí theo phương pháp khai thác.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các quy định thuế hiện hành tại Việt Nam.

#### **4.15 Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan với Công ty nếu có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động hoặc có chung các thành viên quản lý chủ chốt hoặc cùng chịu sự chi phối của một công ty khác (cùng thuộc Tập đoàn, Tổng công ty).

Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này (bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị em ruột).

Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty: những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.

Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu ở trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc thông qua việc này người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, bao gồm những doanh nghiệp được sở hữu bởi những người lãnh đạo hoặc các cổ đông chính của Công ty và những doanh nghiệp có chung một thành viên quản lý chủ chốt với Công ty.

TỔNG CÔNG TY HOÀNG PHÚC

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI VÀ KHOÁNG SẢN HOÀNG PHÚC****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****MẪU SỐ B09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***5. TIỀN**

	<u>31/12/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
	VND	VND
Tiền gửi ngân hàng	10.408.615	77.211.482
<b>Cộng</b>	<b><u>10.408.615</u></b>	<b><u>77.211.482</u></b>

**6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	<u>31/12/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
	VND	VND
<b>Phải thu bên liên quan</b>	<b>3.838.000.000</b>	<b>34.000.000</b>
Công ty TNHH Đầu tư và Quản lý Hoàng Phúc	74.000.000	-
Công ty TNHH Logistics Quốc tế Bắc Giang	3.764.000.000	34.000.000
<b>Phải thu các khách hàng khác</b>	<b>1.085.180.921</b>	<b>1.085.180.921</b>
Công ty TNHH MTV Xây dựng và Thương mại Thăng Long LS	1.085.180.921	1.085.180.921
<b>Cộng</b>	<b><u>4.923.180.921</u></b>	<b><u>1.119.180.921</u></b>

**7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	<u>31/12/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
	VND	VND
Công ty Cổ phần Khoáng sản Cổ Kênh	214.904.279	214.904.279
<b>Cộng</b>	<b><u>214.904.279</u></b>	<b><u>214.904.279</u></b>

**8. PHẢI THU TỪ CHO VAY**

Khoản phải thu từ cho vay với Công ty TNHH Đầu tư và Quản lý Hoàng Phúc (Công ty mẹ) theo hợp đồng cho vay tiền ngày 23/11/2020, số tiền cho vay: 1.750.000.000 đồng, thời hạn cho vay 6 tháng với lãi suất 0%. Mục đích sử dụng vốn vay: Chi dùng cho hoạt động kinh doanh nhằm mang lại nguồn doanh thu cho Công ty; chi trả các khoản thuế, phí cho nhà nước; chi trả chi phí cố định; chi trả lương cho cán bộ nhân viên và chi trả các khoản nợ đến hạn khác. Tại ngày 31/12/2021, số dư phải thu cho vay với Công ty TNHH Đầu tư và Quản lý Hoàng Phúc là 1.708.000.000 đồng.

**9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Tại ngày 01/01/2021	4.236.534.500	4.236.534.500
Tại ngày 31/12/2021	<u>4.236.534.500</u>	<u>4.236.534.500</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>		
Tại ngày 01/01/2021	618.368.701	618.368.701
Khấu hao trong năm	151.304.808	151.304.808
Tại ngày 31/12/2021	<u>769.673.509</u>	<u>769.673.509</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Tại ngày 01/01/2021	<u>3.618.165.799</u>	<u>3.618.165.799</u>
Tại ngày 31/12/2021	<b><u>3.466.860.991</u></b>	<b><u>3.466.860.991</u></b>

11/11/2021 15:11:11



**10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	<u>31/12/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
	VND	VND
Trạm trộn bê tông Asphalt (*)	6.220.000.000	6.220.000.000
Trạm trộn bê tông Logistics Bắc Giang (**)	690.745.455	-
<b>Cộng</b>	<b><u>6.910.745.455</u></b>	<b><u>6.220.000.000</u></b>

(\*) Bao gồm hạng mục Thiết kế bản vẽ thi công phần xây dựng, hạ tầng kỹ thuật và hạng mục Thi công thử nghiệm sản phẩm Trạm trộn bê tông Asphalt theo Hợp đồng thầu số 03/2015/HĐTV/KSHP-PVPE ngày 5/8/2015 giữa Công ty cổ phần Xây dựng Thương mại Khoáng sản Hoàng Phúc và Công ty Cổ phần Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam (PVEP). Do Dự án đầu tư Trạm trộn bê tông đã dừng thực hiện từ năm 2016, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đang đánh giá mức độ thiệt hại của hoạt động đầu tư này để có cơ sở ghi nhận tổn thất (nếu có) vào báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty.

(\*\*) Giá trị thi công xây lắp công trình trạm trộn bê tông Logistics Bắc Giang theo hợp đồng hợp tác đầu tư ngày 01/10/2020 của Công ty và Công ty TNHH Logistics Quốc tế Bắc Giang. Dự án đã hoàn thành việc lắp đặt thiết bị và vận hành chạy thử, tuy nhiên do ảnh hưởng của dịch Covid-19 nên công trình chưa được đưa vào sử dụng, dự kiến trong quý 2/2022 sẽ bắt đầu đi vào hoạt động và có sản phẩm.

**11. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC**

	<u>31/12/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
	VND	VND
Chi nhánh Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Hạ tầng Cừu Long tại Lạng Sơn	830.756.876	830.756.876
Khách hàng khác	6.630.000	6.630.000
<b>Cộng</b>	<b><u>837.386.876</u></b>	<b><u>837.386.876</u></b>

**12. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	<u>31/12/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
	VND	VND
<b>Phải trả khác là các bên liên quan</b>		
Bà Phạm Thị Tính	638.831.837	658.831.837
Ông Zhang Zheng Ming	100.000.000	-
<b>Phải trả khác</b>		
Phải trả bà Phạm Thị Phương (Nguyên Chủ tịch HĐQT Công ty) về khoản chi hộ Công ty	2.246.758.630	2.246.758.630
Các khoản bảo hiểm	1.652.818	180.000
Phải trả các đối tượng khác	49.150.944	135.140
<b>Cộng</b>	<b><u>3.036.394.229</u></b>	<b><u>2.905.905.607</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI VÀ KHOÁNG SẢN HOÀNG PHÚC**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**MÃU SỐ B09 - DN**

**13. NỢ XẤU**

Thời gian quá hạn	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Năm	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Khoáng sản Cổ Kênh	214.904.279	-	214.904.279	-
Công ty TNHH MTV Xây dựng và Thương mại Thăng Long LS (*)	1.085.180.921	-	1.085.180.921	-
<b>Cộng</b>	<b>1.300.085.200</b>	<b>- (1.300.085.200)</b>	<b>1.300.085.200</b>	<b>- (1.300.085.200)</b>

(\*): Khoản công nợ phải thu Công ty TNHH MTV Xây dựng và Thương mại Thăng Long LS đã quá hạn thanh toán nhiều năm. Hiện tại, Công ty TNHH MTV Xây dựng và Thương mại Thăng Long LS không còn hoạt động tại địa chỉ kinh doanh đã đăng ký. Đồng thời, Công ty đã gửi Đơn yêu cầu lên Tòa án Nhân dân huyện Cao Lộc tỉnh Lạng Sơn về việc yêu cầu tòa án mở thủ tục phá sản đối với Công ty TNHH MTV Xây dựng và Thương mại Thăng Long LS. Theo đó, Ban Giám đốc Công ty quyết định trích lập 100% dự phòng phải thu khoản công nợ của Công ty này.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI VÀ KHOÁNG SẢN HOÀNG PHÚC**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**MẪU SỐ B09 - DN**

**14. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà xưởng và vật kiến trúc		Máy móc thiết bị		Phương tiện vận tải		TSCĐ khác		Tổng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>										
Tại ngày 01/01/2021	10.688.734.577	18.947.260.338	2.410.361.818	38.000.000	32.084.356.733					
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(2.410.361.818)	-	(2.410.361.818)					
Tại ngày 31/12/2021	10.688.734.577	18.947.260.338	-	38.000.000	29.673.994.915					
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>										
Tại ngày 01/01/2021	3.268.850.797	8.240.216.243	2.246.180.936	38.000.000	13.793.247.976					
Khấu hao trong năm	323.386.524	1.888.481.952	248.726.342	-	2.460.594.818					
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(2.410.361.818)	-	(2.410.361.818)					
Phân loại lại	-	84.545.460	(84.545.460)	-	-					
Tại ngày 31/12/2021	3.592.237.321	10.213.243.655	-	38.000.000	13.843.480.976					
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>										
Tại ngày 01/01/2021	7.419.883.780	10.707.044.095	164.180.882	-	18.291.108.757					
Tại ngày 31/12/2021	7.096.497.256	8.734.016.683	-	-	15.830.513.939					
Nguyên giá TSCĐ hết khấu hao còn sử dụng	2.057.657.305	911.190.909	-	38.000.000	3.006.848.214					

Giá trị còn lại của Tài sản có định của Công ty đang phản ánh trên báo cáo tài chính tại ngày 31/12/2021 là 15.830.513.939 đồng (trong đó giá trị còn lại của nhà cửa vật kiến trúc và máy móc thiết bị là 15.792.513.939 đồng). Hiện tại toàn bộ máy móc thiết bị và nhà xưởng đã dùng sản xuất trong thời gian dài. Theo kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022, sau khi hết thời hạn 18 tháng Công ty bị xử phạt tước giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, Công ty sẽ thực hiện bảo dưỡng sản máy móc thiết bị và làm thủ tục xin cấp các giấy phép để tiếp tục khai thác và kinh doanh mỏ đá. Ban Giám đốc cam kết thực hiện các biện pháp cần thiết để khôi phục lại hoạt động khai thác và kinh doanh mỏ đá, đảm bảo các tài sản có định có thể đưa vào sử dụng bình thường và mang lại lợi ích kinh tế cho Công ty.





**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI VÀ KHOÁNG SẢN HOÀNG PHÚC**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B09 - DN

**15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Thăng Long	512.979.000	512.979.000	-	-
Nhà cung cấp khác	659.952	659.952	246.114	-
<b>Cộng</b>	<b>513.638.952</b>	<b>512.979.000</b>	<b>246.114</b>	<b>-</b>

**16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	01/01/2021		Số phải nộp trong năm		Điều chỉnh		Số đã nộp trong năm		31/12/2021	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
	Thuế thu nhập cá nhân	187.174	-	-	-	-	-	-	-	187.174
Thuế tài nguyên	(2.391.907)	-	-	(2.391.907)	-	-	-	-	-	-
Thuế nhà đất, tiền thuế đất	29.296.527	-	-	-	-	-	-	-	29.296.527	-
Thuế Bảo vệ môi trường	15.165.642	-	-	-	-	-	-	-	15.165.642	-
Phí cấp quyền khai thác và thuế môn bài	371.261.621	452.802.818	-	-	-	258.400.000	-	-	565.664.439	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	466.504.929	-	-	(2.391.907)	-	3.930.607	-	-	460.182.415	-
<b>Cộng</b>	<b>880.023.986</b>	<b>452.802.818</b>	<b>(4.783.814)</b>	<b>262.330.607</b>	<b>1.070.496.197</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>1.070.496.197</b>	<b>-</b>

Trong đó:

- Thuế và các khoản phải thu Nhà nước
- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Ngày 08/09/2021, Công ty nhận được quyết định số 576/QĐ-CCT của Chi cục thuế thành phố - Cục thuế tỉnh Lạng Sơn về việc cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế bằng biện pháp ngừng sử dụng hóa đơn đối với Công ty do nợ thuế quá 90 ngày kể từ ngày hết thời hạn nộp theo quy định. Số tiền bị cưỡng chế là 408.263.206 đồng. Thời gian có hiệu lực thi hành cưỡng chế trong 1 năm kể từ ngày 08/09/2021. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính này, Công ty đang trong quá trình làm việc với cơ quan thuế để xác định đầy đủ các nghĩa vụ thuế còn phải nộp ngân sách nhà nước.



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI VÀ KHOÁNG SẢN HOÀNG PHÚC****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**MẪU SỐ B09 - DN**

**17. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	31/12/2021		Trong năm		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Táng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>4.518.623.452</b>	<b>4.518.623.452</b>	-	-	<b>4.518.623.452</b>	<b>4.518.623.452</b>
Zhang Zheng Ming (i)	2.834.962.062	2.834.962.062			2.834.962.062	2.834.962.062
Phạm Thị Tính (ii)	1.683.661.390	1.683.661.390			1.683.661.390	1.683.661.390
<b>Cộng</b>	<b>4.518.623.452</b>	<b>4.518.623.452</b>	-	-	<b>4.518.623.452</b>	<b>4.518.623.452</b>

(i) Là các khoản vay ngắn hạn của ông Zhang Zheng Ming (bên liên quan) theo các hợp đồng vay sau:

- Hợp đồng cho vay tiền ngày 28/03/2019 với ông Zhang Zheng Ming. Số tiền cho vay: 2.230.000.000 đồng. Thời hạn vay: 2 tháng kể từ thời điểm chuyển tiền vay là ngày 28/03/2019. Lãi suất cho vay là 0%. Mục đích của khoản vay: chi dùng cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, chi trả các khoản thuế, phí cho Nhà nước, chi trả các chi phí cố định và chi trả lương cho cán bộ công nhân viên và chi trả các khoản nợ đến hạn trả khác. Văn bản gia hạn hợp đồng vay ngày 29/05/2019, gia hạn hợp đồng vay thêm kỳ hạn 2 tháng kể từ ngày ký văn bản gia hạn. Số dư khoản vay tại ngày 31/12/2021 là 1.730.000.000 đồng.
- Hợp đồng cho vay tiền ngày 10/06/2019 với ông Zhang Zheng Ming. Số tiền cho vay: 204.962.062 đồng. Thời hạn vay: 2 tháng kể từ thời điểm chuyển tiền vay là ngày 10/06/2019. Lãi suất cho vay là 0%. Mục đích của khoản vay: chi dùng cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, chi trả các khoản thuế, phí cho Nhà nước, chi trả các chi phí cố định và chi trả lương cho cán bộ công nhân viên và chi trả các khoản nợ đến hạn trả khác.
- Hợp đồng cho vay tiền ngày 17/06/2019 với ông Zhang Zheng Ming. Số tiền cho vay: 200.000.000 đồng. Thời hạn vay: 2 tháng kể từ thời điểm chuyển tiền vay là ngày 17/06/2019. Lãi suất cho vay là 0%. Mục đích của khoản vay: chi dùng cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, chi trả các khoản thuế, phí cho Nhà nước, chi trả các chi phí cố định và chi trả lương cho cán bộ công nhân viên và chi trả các khoản nợ đến hạn trả khác.
- Hợp đồng vay ngày 12/7/2019 với ông Zhang Zheng Ming. Số tiền cho vay: 100.000.000 đồng. Thời hạn vay: 2 tháng kể từ thời điểm chuyển tiền vay là ngày 12/07/2019. Lãi suất cho vay là 0%. Mục đích của khoản vay: chi dùng cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, chi trả các khoản thuế, phí cho Nhà nước, chi trả các chi phí cố định và chi trả lương cho cán bộ công nhân viên và chi trả các khoản nợ đến hạn trả khác.
- Hợp đồng vay ngày 14/8/2020 với ông Zhang Zheng Ming. Số tiền cho vay: 300.000.000 đồng. Thời hạn vay: 6 tháng kể từ thời điểm chuyển tiền vay là ngày 14/08/2020. Lãi suất cho vay là 0%. Mục đích của khoản vay: chi dùng cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, chi trả các khoản thuế, phí cho Nhà nước, chi trả các chi phí cố định và chi trả lương cho cán bộ công nhân viên và chi trả các khoản nợ đến hạn trả khác.

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

- Hợp đồng vay ngày 19/10/2020 với ông Zhang Zheng Ming. Số tiền cho vay: 300.000.000 đồng. Thời hạn vay: 6 tháng kể từ thời điểm chuyển tiền vay là ngày 19/10/2020. Lãi suất cho vay là 0%. Mục đích của khoản vay: chi dùng cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, chi trả các khoản thuế, phí cho Nhà nước, chi trả các chi phí cố định và chi trả lương cho cán bộ công nhân viên và chi trả các khoản nợ đến hạn trả khác.

Tại ngày 31/12/2021, số dư nợ vay quá hạn thanh toán là 2.234.962.062 đồng, nhưng do hoạt động của Công ty khó khăn nên Ông Zhang Zheng Minh cam kết chưa yêu cầu Công ty thanh toán khoản vay nói trên trong thời gian tới (ít nhất là 12 tháng) hoặc cho đến khi Công ty có đủ nguồn tiền để thanh toán.

(ii) Là các khoản vay ngắn hạn của Bà Phạm Thị Tĩnh (bên liên quan) theo Hợp đồng vay tiền ngày 16/10/2019, số tiền vay là 1.683.661.390 đồng, thời hạn vay là 3 tháng kể ngày 16/10/2019. Lãi suất cho vay là 0%. Mục đích của khoản vay: chi dùng cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, chi trả các khoản thuế, phí cho Nhà nước, chi trả các chi phí cố định và chi trả lương cho cán bộ công nhân viên và chi trả các khoản nợ đến hạn trả khác. Do hoạt động của Công ty khó khăn nên Bà Phạm Thị Tĩnh cam kết chưa yêu cầu Công ty thanh toán khoản vay nói trên trong thời gian tới (ít nhất là 12 tháng) hoặc cho đến khi Công ty có đủ nguồn tiền để thanh toán.

**18. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	LNST chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2020	38.000.000.000	(13.143.689.005)	24.856.310.995
Lỗi trong năm	-	(1.410.773.976)	(1.410.773.976)
Tại ngày 01/01/2021	38.000.000.000	(14.554.462.981)	23.445.537.019
Lãi trong năm	-	249.864.921	249.864.921
Tại ngày 31/12/2021	38.000.000.000	(14.304.598.060)	23.695.401.940

**Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Công ty TNHH Đầu tư và Quản lý Hoàng Phúc	19.760.000.000	52%	19.760.000.000	52%
Công ty TNHH Y học cổ truyền Taytang	9.500.000.000	25%	9.500.000.000	25%
Vốn góp của các cổ đông khác	8.740.000.000	23%	8.740.000.000	23%
<b>Cộng</b>	<b>38.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>38.000.000.000</b>	<b>100%</b>

**Cổ phiếu**

	31/12/2021	01/01/2021
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.800.000	3.800.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.800.000	3.800.000
- Cổ phiếu phổ thông	3.800.000	3.800.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.800.000	3.800.000
- Cổ phiếu phổ thông	3.800.000	3.800.000
<b>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu):</b>	<b>10.000</b>	<b>10.000</b>

11/21/2021 10:00 AM



**19. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	<u>31/12/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
Ngoại tệ các loại		
- USD	201,32	201,32
- CNY	88,54	88,54

**20. DOANH THU CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<u>Năm 2021</u>	<u>Năm 2020</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Doanh thu cung cấp dịch vụ	4.260.000.000	240.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>4.260.000.000</u></b>	<b><u>240.000.000</u></b>

Doanh thu cung cấp dịch vụ trong năm của Công ty là doanh thu cho Công ty TNHH Logistic Quốc tế Bắc Giang (Bên liên quan) thuê các phương tiện vận tải.

**21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	<u>Năm 2021</u>	<u>Năm 2020</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Giá vốn cung cấp dịch vụ	587.775.385	219.934.878
<b>Cộng</b>	<b><u>587.775.385</u></b>	<b><u>219.934.878</u></b>

**22. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<u>Năm 2021</u>	<u>Năm 2020</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí nhân công	977.084.722	764.440.704
Chi phí khấu hao tài sản cố định	-	865.752.925
Chi phí đồ dùng văn phòng	-	3.078.777
Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi	-	(2.819.611.377)
Thuế, phí lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	188.499.140	128.210.634
Chi phí khác bằng tiền	56.891.787	41.982.010
<b>Cộng</b>	<b><u>1.225.475.649</u></b>	<b><u>(1.013.146.327)</u></b>

**23. THU NHẬP KHÁC**

	<u>Năm 2021</u>	<u>Năm 2020</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	277.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b><u>277.000.000</u></b>	<b><u>-</u></b>

G  
 M  
 T  
 V  
 K



## 24. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Phạt vi phạm hành chính	-	90.911.546
Chi phí cấp quyền khai thác mỏ	449.802.818	449.802.818
Khấu hao tài sản ngừng hoạt động	2.024.124.241	1.861.094.299
Các khoản khác	-	42.288.484
<b>Cộng</b>	<b>2.473.927.059</b>	<b>2.444.097.147</b>

## 25. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	249.864.921	(1.410.773.976)
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
<i>Cộng: Các khoản chi phí không được trừ</i>	2.024.124.241	1.952.005.845
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>2.273.989.162</b>	<b>541.231.869</b>
Lỗ được kết chuyển	2.273.989.162	541.231.869
<b>Thu nhập tính thuế</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Thuế suất	20%	20%
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

## 26. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí nhân công	977.084.722	764.440.704
Chi phí khấu hao và phân bổ	587.775.385	1.085.687.803
Chi phí dịch vụ mua ngoài	188.499.140	128.210.634
Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi	-	(2.819.611.377)
Chi phí khác bằng tiền	509.694.605	631.063.635
<b>Cộng</b>	<b>2.263.053.852</b>	<b>(210.208.601)</b>

## 27. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	249.864.921	(1.410.773.976)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
<b>Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông</b>	<b>249.864.921</b>	<b>(1.410.773.976)</b>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	3.800.000	3.800.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>66</b>	<b>(371)</b>

**28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính và công cụ vốn được trình bày tại thuyết minh Công cụ tài chính.

	<b>Giá trị ghi sổ 31/12/2021</b>	<b>Giá trị ghi sổ 01/01/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	10.408.615	77.211.482
Phải thu của khách hàng	4.923.180.921	1.119.180.921
Phải thu khác	4.044.750	26.777.946
<b>Cộng</b>	<b>4.937.634.286</b>	<b>1.223.170.349</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Phải trả người bán	513.638.952	246.114
Phải trả khác	3.034.741.411	2.905.905.607
Vay và nợ thuê tài chính	4.518.623.452	4.518.623.452
<b>Cộng</b>	<b>8.067.003.815</b>	<b>7.424.775.173</b>
Trừ đi các khoản dự phòng	(1.300.085.200)	(1.300.085.200)

Công ty trình bày và thuyết minh về công cụ tài chính theo quy định của Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính. Thông tư này hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn cụ thể cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính theo giá trị hợp lý. Công ty đã trình bày giá trị hợp lý của công cụ tài chính theo hướng dẫn về thuyết minh báo cáo tài chính của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính tại một số thuyết minh ở phần trên.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Các hoạt động của Công ty phải chịu rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đặt mục tiêu và các nguyên tắc cơ bản về quản lý rủi ro tài chính cho Công ty. Ban Giám đốc lập các chính sách chi tiết như nhận diện và đo lường rủi ro, hạn mức rủi ro và các chiến lược phòng ngừa rủi ro. Việc quản lý rủi ro tài chính được nhân sự thuộc bộ phận tài chính thực hiện.

Các nhân sự thuộc bộ phận tài chính đo lường mức độ rủi ro thực tế so với hạn mức được đề ra và lập báo cáo thường xuyên để Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc xem xét. Thông tin trình bày sau đây là dựa trên thông tin mà Ban Giám đốc nhận được.

**Rủi ro tín dụng**

Chính sách của Công ty là chỉ giao dịch với các khách hàng có quá trình tín dụng tốt và thu được đủ tài sản đảm bảo phù hợp nhằm giảm rủi ro tín dụng. Đối với các tài sản tài chính khác, chính sách của Công ty là giao dịch với các tổ chức tài chính và các đối tác khác có xếp hạng tín nhiệm cao.

Mức rủi ro tín dụng tối đa đối với mỗi nhóm tài sản tài chính bằng với giá trị ghi sổ của nhóm công cụ tài chính đó trên bảng cân đối kế toán. Các nhóm tài sản tài chính lớn của Công ty là tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn, có kỳ hạn), phải thu của khách hàng và phải thu khác

- *Tài sản tài chính quá hạn hoặc giảm giá*

	<b>31/12/2021</b>	<b>01/01/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Phải thu của khách hàng</b>		
Quá hạn trên 3 năm trở lên	1.300.085.200	1.300.085.200

HÀNG NĂM

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ gắn liền với các khoản nợ tài chính được thanh toán bằng cách giao tiền mặt hoặc một tài sản tài chính khác.

Bảng dưới đây phân tích các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các dòng tiền theo hợp đồng không chiết khấu.

	<b>Đến 1 năm</b>	<b>Trên 1 năm</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Tại ngày 31/12/2021</b>		
Phải trả người bán	513.638.952	-
Phải trả khác	3.034.741.411	-
Vay và nợ thuê tài chính	4.518.623.452	-
<b>Cộng</b>	<b>8.067.003.815</b>	<b>-</b>
<b>Tại ngày 01/01/2021</b>		
Phải trả người bán	246.114	-
Phải trả khác	2.905.905.607	-
Vay và nợ thuê tài chính	4.518.623.452	-
<b>Cộng</b>	<b>7.424.775.173</b>	<b>-</b>

**Đo lường theo giá trị hợp lý**

Giá gốc trừ dự phòng (nếu có) đối với phải thu khách hàng, phải thu về cho vay, phải thu khác, phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác, vay và nợ thuê tài chính là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng.

**29. THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Công ty có các bên liên quan như sau:

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối liên hệ</b>
Công ty TNHH Đầu tư và Quản lý Hoàng Phúc	Công ty mẹ
Công ty TNHH Y học cổ truyền Taytang	Cổ đông lớn chiếm 25% vốn điều lệ
Công ty TNHH Logistic Quốc tế Bắc Giang	Giám đốc Công ty mẹ là Giám đốc Công ty này
Ông Zhang Zheng Ming	Giám đốc Công ty mẹ
Bà Phạm Thị Tính	Giám đốc Công ty TNHH Y học cổ truyền Taytang
Ông Wang De Rong	Ủy viên Hội đồng quản trị

Ngoài giao dịch và số dư với các bên liên quan đã trình bày tại các Thuyết minh, Công ty có giao dịch và số dư khác với các bên liên quan như sau:

**Giao dịch với các bên liên quan:**

	<b>Năm 2021</b>	<b>Năm 2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty TNHH Đầu tư và quản lý Hoàng Phúc		
Vay tiến của Công ty	-	1.750.000.000
Thanh toán tiền vay cho Công ty	42.000.000	-
Ông Zhang Zheng Ming (Cho công ty vay tiền)	100.000.000	-
Ông Wang De Rong (Thanh toán hộ chi phí)	40.000.000	-



*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc**

		<u>Năm 2021</u>	<u>Năm 2020</u>
		VND	VND
Ông Dương Nguyễn Bộ	Tổng giám đốc	18.000.000	-

**30. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN**

Không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

**31. SỐ LIỆU SO SÁNH**

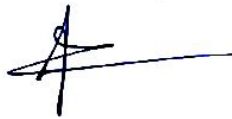
Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán.

Người lập



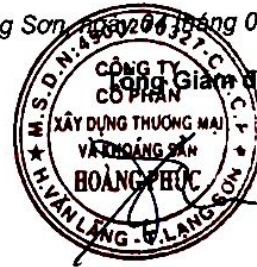
Đỗ Mạnh Hùng

Kế toán trưởng



Đỗ Mạnh Hùng

Lạng Sơn, ngày 04 tháng 04 năm 2022



Nguyễn Trường Sơn